

TEACHING PROFESSION AND ITS ATTRACTIVENESS

Nguyen Danh Nam

Thai Nguyen University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	21/7/2023	The paper presents the concept, role and attractiveness of the teaching profession by examining some issues such as social status, image of teachers in society and factors affecting teaching career attractiveness. The paper uses the secondary literature research method and the expert method. Research results show that teaching profession is considered a noble profession in many countries and teachers play a decisive role in improving the quality of education. The paper also analyzes the social status of the teaching profession in some countries around the world, the relationship between social status and the image of teachers as well as the attractiveness of the teaching profession in the current context. Finally, the paper proposes some strategic solutions to increase the attractiveness of the teaching profession, thereby attracting excellent high school students to follow the profession and dedicate themselves to the teaching profession.
Revised:	12/9/2023	
Published:	12/9/2023	
KEYWORDS		
Profession		
Teaching profession		
Suitability of profession		
Attractiveness of profession		
Profession choice		
Teacher		

NGHỀ DẠY HỌC VÀ SỰ HẤP DẪN CỦA NGHỀ DẠY HỌC

Nguyễn Danh Nam

Đại học Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	21/7/2023	Bài viết trình bày khái niệm, vai trò và sự hấp dẫn của nghề dạy học thông qua tìm hiểu một số vấn đề như địa vị xã hội, hình ảnh người giáo viên trong xã hội và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hấp dẫn nghề dạy học. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp và phương pháp chuyên gia. Kết quả nghiên cứu cho thấy nghề dạy học được đánh giá là nghề cao quý ở nhiều quốc gia và giáo viên có vai trò quyết định trong việc nâng cao chất lượng giáo dục. Bài viết phân tích địa vị xã hội của nghề dạy học ở một số quốc gia trên thế giới, mối quan hệ giữa địa vị xã hội với hình ảnh người giáo viên và sự hấp dẫn nghề dạy học trong bối cảnh hiện nay. Cuối cùng, bài viết đề xuất một số giải pháp chiến lược để tăng sự hấp dẫn đối với nghề dạy học, từ đó thu hút những người giỏi theo nghề và cống hiến cho nghề dạy học.
Ngày hoàn thiện:	12/9/2023	
Ngày đăng:	12/9/2023	
TỪ KHÓA		
Nghề nghiệp		
Nghề dạy học		
Sự phù hợp nghề		
Sự hấp dẫn nghề		
Lựa chọn nghề		
Giáo viên		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8389>

Email: danhnam.nguyen@tnu.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

382

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Đội ngũ giáo viên là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo. Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục. Cả nước hiện nay có hơn một triệu giáo viên ở các cấp học và trình độ đào tạo khác nhau. Đội ngũ này đã có những đóng góp to lớn vào việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, tiếp tục truyền thống văn hiến của dân tộc. Dạy học là một nghề với các kỹ năng nghề nghiệp đặc trưng mà không nghề nào có. Như vậy có nghĩa không phải bất cứ ai có trình độ học vấn nhất định cũng có thể trở thành giáo viên chuyên nghiệp. Hơn nữa, nhân loại đang bước vào kỷ nguyên của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với những bước tiến khổng lồ và nhanh chóng trong khoa học và công nghệ, kho tàng kiến thức nhân loại tăng theo cấp số nhân, nhiệm vụ của người giáo viên không còn là truyền thụ kiến thức, mà là rèn luyện cho học sinh năng lực tự học, tự vươn lên để khẳng định mình, là truyền cảm hứng để học sinh khởi nghiệp và sáng tạo. Vì vậy, người giáo viên chuyên nghiệp phải luôn học hỏi, cập nhật kiến thức về chuyên môn, khoa học sư phạm, xã hội,... để có thể thực hiện được thiên chức của mình. Nghề là công việc chuyên làm theo sự phân công lao động của xã hội [1]. Do đó, nghề là một lĩnh vực hoạt động lao động mà thông qua quá trình đào tạo con người có được những tri thức, kỹ năng để tạo ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Nghề thường được hiểu là một việc làm có tính tương đối ổn định, đem lại thu nhập để duy trì và nâng cao chất lượng cuộc sống của con người. Hơn nữa, nghề còn được hiểu là con đường để thể hiện và khẳng định giá trị của bản thân của mỗi người. Nghề dạy học là nghề có đối tượng dạy học gồm có người học và môn học trong một bối cảnh dạy học nhất định. Người học mỗi nơi mỗi khác, mỗi năm mỗi khác, trong một lớp học mỗi học sinh là một cá thể với đầy đủ tiềm năng, điểm mạnh điểm yếu, tính cách, hoàn cảnh, điều kiện,... của riêng mình [2], [3]. Môn học có thể chung cho cả nước, nhưng phải dạy môn học đó sao cho mỗi học sinh của mình có thể tự rèn luyện những năng lực được quy định trong chương trình môn học. Một trong những năng lực nghề nghiệp quan trọng của người giáo viên là tìm hiểu đối tượng và môi trường dạy học để xây dựng kế hoạch dạy học môn học và bài học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của từng học sinh, do đó, có thể nói “nghề dạy học là nghề sáng tạo nhất trong những nghề sáng tạo” - Cô Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đã từng khẳng định điều này. Vì vậy, việc tìm hiểu các biểu hiện của sự phù hợp nghề là rất quan trọng, giúp xác định được những người “giáo viên” sáng tạo nhất.

Có thể nói dạy học là một nghề đặc biệt, gần giống nghề y vì cùng tiếp xúc với đối tượng là con người. Kỹ năng nghề nghiệp đầu tiên của bác sĩ là thăm khám trước khi đưa ra phác đồ điều trị cho từng người bệnh. Giáo viên cũng vậy, trước khi dạy học phải “thăm khám” từng học sinh để phát hiện những đặc điểm riêng từ đó để giúp các em tự phát triển năng lực cho mình. Trong xã hội hiện đại những kỹ năng này đòi hỏi người giáo viên phải cập nhật liên tục. Thi cấp chứng chỉ hành nghề ở một số nước trên thế giới đã tạo một động lực để giáo viên luôn có ý thức học hỏi, vươn lên trong nghề nghiệp [4]-[6]. Hơn nữa, để có được sự thành công trong lĩnh vực nghề nghiệp, mỗi người phải có đam mê và lựa chọn cho mình một nghề phù hợp. Trong khi số lượng ngành nghề ngày càng tăng, người lao động không dễ dàng trong việc chọn cho mình một nghề phù hợp với khả năng và sở thích của bản thân. Phạm vi của nghề dạy học là giáo dục, do đó cần phải hiểu được bản chất của giáo dục. Về cơ bản, giáo dục là một hiện tượng giao tiếp và giáo dục sở hữu quy chế chuẩn mực về “quyền con người”. Do đó, giáo viên được coi là những nhà chuyên môn giáo dục về quyền được giáo dục và giao tiếp sư phạm, phát triển các mối quan hệ cá nhân. Quyền được giáo dục là quyền của con người đối với nền giáo dục mà họ được thụ hưởng [7], [8]. Giao tiếp sư phạm là nội dung quy chuẩn của quyền được giáo dục bao gồm tôn trọng nhân phẩm bình đẳng và mọi quyền của con người. Trung tâm của mối quan hệ giữa các cá nhân trong giáo dục không chỉ ở việc biết cách để dạy một số môn học mà là ảnh hưởng của giáo viên đến sự phát triển nhân cách của học sinh.

Vị trí của nghề dạy học trong hệ thống phân cấp nghề nghiệp còn tương đối thấp ở nhiều quốc gia trên thế giới và có xu hướng ngày càng giảm trong những năm gần đây. Điều này có tác động

đến sự suy giảm tinh thần cống hiến của nhiều giáo viên. Ví dụ, ở châu Phi, châu Mỹ La Tinh và một số nước Đông Âu, giáo viên nhận mức lương thấp đến mức họ thường phải làm thêm một số công việc khác để đảm bảo cho cuộc sống. Như vậy, lương dành cho giáo viên cũng như vị trí của nghề dạy học đang thấp hơn so với những ngành nghề khác, do đó nghề dạy học có xu hướng không thu hút được học sinh giỏi vào học, hoặc không giữ chân được giáo viên cống hiến trong ngành khi họ có cơ hội việc làm khác tốt hơn [7]. Hơn nữa, vấn đề bạo lực trong trường học cũng có tác động xấu đến tinh thần của giáo viên và khả năng cống hiến của họ. Ngoài ra, ở một số nước phát triển, giáo viên đã nhận không ít những lời chỉ trích công khai từ các gia đình học sinh, các doanh nghiệp và chính trị gia do sự mất niềm tin ngày càng rõ của xã hội đối với năng lực của đội ngũ giáo viên và chất lượng của cả hệ thống giáo dục [9]. Ngoài ra, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng có một số yếu tố góp phần vào sự kém hấp dẫn của nghề dạy học bao gồm: sự căng thẳng và không hài lòng của giáo viên liên quan đến địa vị xã hội truyền thống của nghề dạy học và vai trò của người giáo viên bị giảm sút; sự hạn chế của công tác tuyển dụng gây ra tình trạng già hóa trong nghề dạy học; xu hướng nữ hóa nghề nghiệp dạy học, đặc biệt là ở các cấp mầm non và tiểu học, do đó, nghề dạy học ngày càng ít thu hút bởi nam giới. Điều này dẫn đến sự mất cân bằng về giới tính trong đội ngũ giáo viên ở trường học [10], [11].

Như vậy, việc nâng cao chất lượng của nghề dạy học đòi hỏi một cách tiếp cận hệ thống với địa vị xã hội của nghề nghiệp, hình ảnh người giáo viên trong xã hội và sự hấp dẫn của nghề dạy học. Nó bao gồm việc xác định bản sắc không thể thay thế của nghề dạy học, làm nổi bật khía cạnh đạo đức của nghề, nâng cao nhận thức nhất quán về vai trò của nó đối với toàn bộ hệ thống giáo dục và có tầm nhìn tích cực về tương lai tươi sáng của nghề dạy học. Vì thế, hiện nay các nghiên cứu về nghề dạy học và giải pháp tăng sự hấp dẫn của nghề dạy học đóng một vai trò quan trọng.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp và phương pháp chuyên gia. Hệ thống các vấn đề trình bày trong bài viết được tổng hợp, phân tích và đối sánh với một số nước trên thế giới như: Phần Lan, Nhật Bản, Hà Lan và một số nước khác thuộc khối OECD. Một số quan điểm về nghề dạy học được tham khảo thông qua các báo cáo nghiên cứu của Xã hội châu Á và Ủy ban châu Âu. Phương pháp chuyên gia được thực hiện đối với 159 giảng viên từ các trường đại học sư phạm trong cả nước đó là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, Trường Đại học Tây Nguyên và Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, tác giả bài viết đã thực hiện phỏng vấn trực tiếp đối với một số chuyên gia giáo dục của Cộng hòa Liên bang Đức về vai trò, vị trí của nghề dạy học cũng như vấn đề giữ gìn hình ảnh người giáo viên trong xã hội. Các giải pháp nâng cao sự hấp dẫn của nghề dạy học trình bày trong bài viết cũng nhận được sự đồng thuận cao của đa số các giảng viên sư phạm tham gia khảo sát.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Địa vị xã hội của nghề dạy học

Nghề dạy học không giống như hầu hết các ngành nghề khác đó là phải chịu nhiều áp lực và gánh quá nhiều kỳ vọng từ xã hội nói chung, gia đình của học sinh nói riêng, trong khi đó lại tồn tại mâu thuẫn giữa kỳ vọng cao của xã hội và địa vị thấp của nghề nghiệp trong xã hội [3], [12]. Các nghiên cứu chỉ ra rằng nghề dạy học được coi là một nghề dễ dàng tiếp cận, tức là không có đòi hỏi nhiều các tiêu chí để lựa chọn người phù hợp; nghề không được trả lương cao so với một số ngành nghề khác có trình độ đào tạo, nền tảng học thuật tương tự; nghề được coi là công việc chủ yếu của nữ giới và thường không có triển vọng thăng tiến về chính trị [10]. Hơn nữa, hình ảnh nghề dạy học bị giảm giá trị do nghề dạy học dễ dàng bị soi xét và đánh giá bởi công chúng trong khi truyền thông về giá trị nghề nghiệp chưa hiệu quả. Các yếu tố khác ảnh hưởng đến sự giảm sút giá trị hình ảnh nghề dạy học như: sự không hài lòng của học sinh khi đến trường học; cơ sở vật chất trường học xuống cấp ở nhiều nơi; đời sống giáo viên chưa triệt để; thái độ của học

sinh và phụ huynh học sinh đối với giáo viên; sự tâm huyết với nghề của giáo viên (nhiều giáo viên coi dạy học chỉ là nghề tay trái); nguồn tri thức giờ đây không chỉ có ở trường học mà ở mọi nơi. Ngoài ra, có ý kiến cho rằng số giờ làm việc của giáo viên không nhiều, giáo viên có nhiều thời gian nghỉ ngơi hơn và giáo viên thường không phải chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình. Ở nhiều quốc gia, có một quan niệm chung rằng giáo viên làm việc ít giờ hơn làm các chuyên gia khác cùng trình độ. Nhận thức này thường dựa trên thực tế số giờ giáo viên trực tiếp giảng dạy trên lớp học. Nhiều người đã không tính đến thời gian giáo viên tham gia các hoạt động ở bên ngoài lớp học, thời gian dành cho phát triển nghề nghiệp, hoặc thời gian được sử dụng để xây dựng kế hoạch bài học và chấm điểm cho học sinh. Quan niệm sai lầm này về thời gian làm việc của giáo viên có thể đã làm giảm sự công nhận của xã hội, giảm địa vị xã hội của nghề, từ đó có thể ảnh hưởng đến động lực làm việc của người giáo viên [5], [7].

Chất lượng giáo dục của một quốc gia nhiều khi bị các chính trị gia và giới truyền thông mang ra để đổ lỗi cho các chính sách của Chính phủ, từ đó tạo nên sự mất lòng tin của công chúng đối với đội ngũ giáo viên và nghề dạy học [13]. Đặc biệt, ở một số quốc gia như Đan Mạch và Na Uy, môi trường truyền thông không đánh giá cao vị trí và vai trò của giáo viên được cho là đã góp phần làm giảm sức hấp dẫn và địa vị của nghề dạy học [9]. Ngoài ra, mặc dù chất lượng giáo dục của một quốc gia bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau nhưng dường như cả xã hội đang cho rằng giáo viên cần phải chịu trách nhiệm đối với kết quả học tập của học sinh [14]. Điều này càng dẫn đến tình trạng thường xuyên thiếu giáo viên ở các nước đang phát triển và khoảng một nửa số quốc gia trên toàn thế giới đang gặp phải tình trạng thừa thiếu cục bộ giáo viên liên quan đến việc đáp ứng các mục tiêu phổ cập giáo dục phổ thông. Hơn nữa, một số quốc gia sẽ sớm phải thay thế một số lượng lớn giáo viên đã rời khỏi nghề hoặc sẽ nghỉ hưu trong một khoảng thời gian ngắn. Độ tuổi của giáo viên đang già đi trở thành một xu hướng đáng báo động ở nhiều quốc gia và các chính sách tương ứng sẽ cần được cân bằng với những thay đổi về dân số trong độ tuổi đi học [7]. Có một số quốc gia không thiếu giáo viên bởi vì nghề dạy học vẫn là nghề có uy tín, có vị trí xã hội cao, có tính hấp dẫn và cạnh tranh, ví dụ như ở Phần Lan. Ngoài ra, ở Nhật Bản điều thu hút những người trẻ tuổi vào nghề dạy học đó chính là sự tôn trọng cao của toàn xã hội đối với giáo viên và dạy học vẫn là một công việc đáng mơ ước ở Nhật Bản [5]. Tình trạng khó khăn trong việc tuyển dụng giáo viên dạy một số môn học hoặc ở một số khu vực địa lý mang tính phổ biến trên toàn cầu. Thách thức lớn nhất của Thụy Điển về chất lượng giáo viên là sức hấp dẫn của nghề dạy học. Thực tế cho thấy có nhiều giáo viên không đủ tiêu chuẩn cho công việc của họ, đặc biệt là về môn toán và khoa học, và đây lý do chính khiến điểm PISA của Thụy Điển thấp hơn kỳ vọng. Ngoài ra, tình trạng giáo viên bỏ nghề cũng có xu hướng tăng. Tại Hoa Kỳ, có tới 50% giáo viên nghỉ dạy trong vòng 5 năm ở một số thành phố lớn, trong khi ở Vương quốc Anh tỷ lệ giáo viên nghỉ dạy là 25%. Ở châu Âu, có tới 40% giáo viên nghỉ dạy trong khoảng thời gian 5 năm ở Bỉ, và con số này là 20% ở Hà Lan [9]. Kết quả khảo sát của MetLife năm 2013 đối với giáo viên tại Hoa Kỳ cho thấy sự hài lòng của hiệu trưởng đối với công việc của họ trong các trường công lập đã giảm 9% điểm kể từ lần cuối cùng được đo vào năm 2008. Trong cùng khoảng thời gian đó, sự hài lòng của giáo viên đã giảm mạnh 23%, xuống mức thấp nhất trong cuộc khảo sát 25 năm qua. Đa số giáo viên cho rằng họ cảm thấy bị căng thẳng ít nhất vài ngày một tuần, một sự gia tăng đáng kể từ năm 1985. Như vậy, có thể nói nhiều quốc gia đang thiếu giáo viên vì nghề dạy học không còn uy tín, hấp dẫn và cạnh tranh. Điều này dẫn tới nguy cơ chất lượng giáo dục ở các trường phổ thông sẽ suy giảm và tiến vào vòng xoáy khó đảo ngược [5]. Tình trạng thiếu giáo viên dẫn đến tiêu chuẩn đầu vào bị hạ thấp, làm giảm niềm tin vào nghề nghiệp, do đó có xu hướng đẩy những giáo viên tài năng nhất ra khỏi nghề dạy học [9].

Đề cập đến các nghề nghiệp có địa vị xã hội cao, tức là rất chuyên biệt (dựa trên kiến thức), cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn cao (cụ thể là đạo đức nghề nghiệp), phần lớn là tự chủ (cá nhân và tập thể), thường được trả lương cao và có uy tín. Giáo viên ở Vương quốc Anh được coi là “tài sản quý giá nhất của xã hội, không có nghề nào quan trọng hơn và không có dịch vụ nào quan trọng hơn nghề dạy học” [7]. Nghề dạy học có thể được coi là một nghề phổ biến nhất, cơ bản

nhất, có đạo đức và mang tính cá nhân nhiều nhất. Đạo đức theo nghĩa nó là một nghề học để làm người và sống nhân văn với những người khác. Tính cá nhân trong sự chuyên nghiệp của giáo viên là mối quan hệ giữa các cá nhân với nhau. Hơn nữa, nghề dạy học có thể được coi là một nghề có tính dân chủ vì giáo viên không chỉ là chuyên gia áp dụng kiến thức chuyên ngành mà còn là người chia sẻ kiến thức của họ cho mọi người. Thông tin về địa vị xã hội và uy tín của giáo viên ở các nước là rất ít. Điều này bao gồm các hình ảnh của giáo viên được tạo ra bởi các phương tiện truyền thông, phim ảnh và văn học. Mặc dù có mối liên hệ giữa mức lương và địa vị xã hội, nhưng điều này cũng phụ thuộc vào các khía cạnh khác, như có thể được suy ra từ các quốc gia (như Phần Lan) nơi giáo viên không được trả lương nhiều hơn mức trung bình của châu Âu nhưng vẫn có hình ảnh tích cực về nghề dạy học. Do đó, cần phải xem xét kỹ lưỡng các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển hình ảnh của nghề nghiệp trên các phương tiện truyền thông và xã hội nói chung [11], [15]. Tỷ lệ học sinh / giáo viên là một thông số quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy của giáo viên. Ở hầu hết các quốc gia, các hiệp hội giáo viên đều yêu cầu giảm sĩ số lớp học. Tỷ lệ học sinh / giáo viên dễ tính hơn tỷ lệ học sinh trung bình trên mỗi lớp, và do đó cho phép so sánh các tình huống ở các quốc gia khác nhau. Cần lưu ý rằng các cuộc khủng hoảng kinh tế đã khiến phần lớn các Chính phủ trì hoãn việc tăng lương cho giáo viên, hoặc thậm chí cắt giảm lương, như ở Hy Lạp, Romania, Tây Ban Nha và Ireland. Ngoài ra, một số người được phỏng vấn ở các quốc gia khác nhau đã đề cập đến hình ảnh mờ nhạt của giáo viên. Ở Hungary, thậm chí một số người còn tin rằng giáo viên làm một công việc không yêu cầu bất kỳ kỹ năng cụ thể nào và bất kỳ ai cũng có thể làm được [7], [13].

Cuối cùng, mức lương của một nghề cũng thể hiện địa vị và uy tín của nghề nghiệp đó trong xã hội [4]. Do đó, lương giáo viên là một yếu tố quan trọng quyết định đến việc lựa chọn dạy học như một nghề nghiệp [7]. Kết quả kỳ thi đánh giá học sinh quốc tế PISA cho thấy hiệu suất giáo dục cao ở các quốc gia có xu hướng trả lương cho giáo viên cao hơn so với bình quân như nhập đầu người tính theo GDP [5]. Mặc dù mức lương không phải là động lực chính của hầu hết các ứng cử viên cho nghề dạy học - cũng như các nghiên cứu không chứng minh được mối tương quan phù hợp giữa lương của giáo viên và kết quả học tập của học sinh. Thực tế cho thấy ở nhiều quốc gia mức lương của giáo viên nói chung thấp hơn mức trung bình của các ngành nghề khác có trình độ đào tạo tương đương. Tại Nhật Bản, giáo viên là công chức nhà nước được trả lương cao nhất trong hệ thống các ngành nghề có trình độ tương đương [5]. Lương của giáo viên cũng đóng một vai trò quan trọng ở Hàn Quốc, quốc gia có chiến lược trong nhiều thập kỷ về thu hút những người giỏi gắn bó với nghề dạy học bằng cách trả lương cao cho giáo viên [9]. Ở Phần Lan, lương giáo viên ở mức trung bình và tương đương với mức trung bình của các nước OECD. Tuy nhiên, các yếu tố khác ngoài lương cũng có tác động đến việc lựa chọn nghề dạy học như uy tín xã hội cao, tính chuyên nghiệp, quyền tự chủ trong trường học và có cơ hội ảnh hưởng đến xã hội [5]. Tuy nhiên, rất khó để xác định sự đóng góp cụ thể của một giáo viên đối với hiệu suất học tập của học sinh. Việc học tập của học sinh bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như: kỹ năng của chính học sinh, kỳ vọng, động lực và hành vi; sự hỗ trợ mà học sinh nhận được từ gia đình của mình và ảnh hưởng của nhóm cộng đồng; tổ chức trường học, điều kiện kinh tế - xã hội; cấu trúc và nội dung chương trình giáo dục. Ngoài ra, trong suốt quá trình học tập, kết quả học tập của một học sinh không chỉ bị ảnh hưởng bởi một giáo viên mà bởi nhiều giáo viên và ở nhiều thời điểm khác nhau [5].

3.2. Hình ảnh của người giáo viên trong xã hội

Đối với nghề dạy học quan trọng nhất đó là người giáo viên luôn phải là một hình mẫu để học sinh học tập, noi gương theo. Phẩm chất cá nhân tốt đẹp của giáo viên phải được động lại trong ký ức các thế hệ học sinh của mình. Người giáo viên hiệu quả phải có tương tác tốt với học sinh, thiết lập các mối quan hệ tốt với học sinh và được phụ huynh học sinh tin tưởng, kính trọng. Kỹ năng hỗ trợ học sinh học tập được đánh giá là một trong những kỹ năng quan trọng của giáo viên. Các nhà nghiên cứu tin rằng những giáo viên giỏi có một cuộc sống thú vị ngoài việc giảng dạy ở trường học [16]. Năng lực giảng dạy của giáo viên là sự kết hợp phức tạp của kiến thức, kỹ năng,

hiểu biết, giá trị và thái độ, dẫn đến hành động hiệu quả trong quá trình dạy học. Giảng dạy không chỉ là một nhiệm vụ của giáo viên mà nó còn liên quan đến các giá trị giáo dục và ảnh hưởng xã hội trong các bối cảnh quốc gia khác nhau [7].

Một ví dụ về tầm quan trọng của hình ảnh giáo viên trước công chúng đó là Chương trình SPARK triển khai tại Na Uy năm 2009. Đây là chương trình có sự tham gia của đại diện Bộ Giáo dục, công đoàn giáo dục và đại diện các trường có đào tạo giáo viên và lãnh đạo các trường phổ thông trong cả nước. Kết quả của chương trình này là những mô tả tích cực về nghề dạy học trên các phương tiện truyền thông đại chúng đã tăng lên từ 14% năm 2008 lên 59% năm 2010, và năm 2011, số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên tăng 38%, trong đó có sự gia tăng đáng kể số lượng nam giới đăng ký theo học [9]. Tại Phần Lan, giáo viên được đào tạo rất tốt và tất cả đều có bằng thạc sĩ trở lên. Giáo viên thường xuyên nhận được nhiều phản hồi từ học sinh và đồng nghiệp của họ. Do đó, các đợt kiểm tra, đánh giá năng lực đối với giáo viên ở Phần Lan là không cần thiết bởi chính việc kiểm tra có thể làm mất đi niềm đam mê nghề nghiệp của giáo viên [9]. Ở Phần Lan, nghề dạy học đã trở thành một nghề được ngưỡng mộ và đáng mơ ước của nhiều người bởi vì nó là được coi là “một nghề cao quý, danh giá - một nghề được thúc đẩy bởi mục đích đạo đức hơn là lợi ích vật chất”. Giáo viên ở Phần Lan nhận được sự tôn trọng cao của xã hội và được quyền tự chủ cao trong nghề nghiệp của họ [9]. Đội ngũ giáo viên có năng lực, được hỗ trợ và trả lương thích hợp, được làm việc trong một môi trường giảng dạy và học tập đầy hứng khởi là yếu tố quan trọng nhất của bất cứ một hệ thống giáo dục nào. Địa vị của người giáo viên và sự tôn trọng của xã hội đối với công việc giảng dạy là nhân tố quan trọng để hướng tới một nền giáo dục có chất lượng cao [13].

Nghề dạy học đòi hỏi giáo viên phải là một chuyên gia giáo dục, có khả năng phát huy tiềm năng của mỗi cá nhân học sinh. Những phẩm chất cá nhân mà nghề dạy học đòi hỏi đó là tình cảm, đạo đức và trí tuệ, sự đồng cảm, mối quan hệ, sự nghiêm khắc và khoan dung. Giáo viên phải khơi dậy được sự tôn trọng và sự ngưỡng mộ, tạo ảnh hưởng tích cực lâu dài và cộng hưởng đến tất cả học sinh. Do đó, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thì nghề dạy học vẫn có tương lai rất quan trọng và không thể thay thế. Nguyên tắc chính của phương pháp sư phạm sẽ vẫn là giao tiếp giữa các cá nhân và giáo viên có ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhận thức, tư tưởng của các học sinh do chính họ giảng dạy. Đó là lý do tại sao phẩm chất và tấm gương cá nhân của giáo viên là một chủ đề kinh điển trong lịch sử của tư tưởng sư phạm. Đạo đức nghề nghiệp của giáo viên thường được coi là có vai trò “mô hình mẫu” trong giáo dục. Albert Einstein (1879-1955) cũng đã từng nói: “Hình mẫu của giáo viên không phải là một cách mà nó là cách duy nhất để dạy học sinh” [17]. Tóm lại, nền giáo dục tốt nhất là nền giáo dục được chiếu sáng bởi ý tưởng tốt nhất về sự hoàn thiện của con người, được hướng dẫn bởi kiến thức tốt nhất về bản chất con người và cá nhân, và giao phó cho những giáo viên tốt nhất.

Ngoài ra, hình ảnh người giáo viên trong xã hội còn thể hiện ở chính đạo đức nghề nghiệp của họ. Mọi nghề nghiệp đều có tính chuyên nghiệp và có một khía cạnh đạo đức thông qua một số mối quan hệ đáng tin cậy giữa con người và sự chịu trách nhiệm về công việc. Các nguyên tắc đạo đức và đạo đức nghề nghiệp của giáo viên được thông qua bởi Liên minh Giáo dục Phần Lan như sau: tinh thần trách nhiệm gắn với việc thực hành một nghề dựa trên kiến thức, kỹ năng chuyên môn và các giá trị chuẩn mực của nghề nghiệp. Cả đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng chuyên môn đều rất quan trọng. Đạo đức tốt không thể bù đắp cho kỹ năng chuyên môn kém và kỹ năng chuyên môn tốt không thể bù đắp cho việc thiếu các nguyên tắc đạo đức. Hiện nay, các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp phần lớn đã được quốc tế hóa cho những lý do chính đó là: sự phổ biến của nguyên tắc tôn trọng quyền con người, toàn cầu hóa và yêu cầu từ các tổ chức quốc tế về nghề nghiệp. Đặc biệt, quyền con người là một nguyên tắc đạo đức cơ bản, đặc biệt là Tuyên bố chung của Liên hợp quốc về quyền con người. Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp đề cập đến nghĩa vụ bảo vệ quyền con người và tôn trọng sự đa dạng của tất cả các nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Nghề dạy học là một nghề phải đảm bảo đầy đủ các giá trị cốt lõi của nghề nghiệp. Do đó, việc nâng cao ý thức về chuẩn mực nhà giáo và đạo đức nghề nghiệp góp

phần làm tăng sự hài lòng trong công việc của giáo viên và giáo dục con người, nâng cao địa vị, uy tín và sự tôn trọng của xã hội đối với nghề dạy học [7], [13].

3.3. Sự hấp dẫn của nghề dạy học

Có rất ít nghiên cứu khoa học về sức hấp dẫn của các ngành nghề. Một số nghiên cứu ở Pháp năm 2008 cho thấy sự thiếu sức hấp dẫn đối với một số nghề do mức lương tương đối thấp và ít có khả năng di chuyển sang nghề nghiệp khác. Trong lĩnh vực giáo dục, các nghiên cứu về sự hấp dẫn của nghề dạy học được thực hiện ở Zimbabwe và Brunei Darussalam [11]. Các nghiên cứu này đều cố gắng xác định một số yếu tố của sức hấp dẫn nhưng không xác định được khái niệm về sức hấp dẫn của chính nó. Nghiên cứu về cải thiện sức hấp dẫn của nghề dạy học ở California Hoa Kỳ không cung cấp bất kỳ định nghĩa nào về sự hấp dẫn của nghề dạy học [16]. Sự hấp dẫn của nghề dạy học chỉ có thể được nhận thức từ kết quả của nó, ví dụ thiếu sức hấp dẫn của nghề có thể dẫn đến tình trạng thiếu giáo viên và từ các yếu tố để xác định nó, ví dụ như mức lương tương đối cao so với các ngành nghề khác hoặc có địa vị xã hội cao. Do đó, có thể hiểu sự hấp dẫn của nghề dạy học là một tập hợp các đặc điểm của nghề làm cho nó tương đối hấp dẫn đối với các ứng viên có kỹ năng liên quan đến các ngành nghề khác đòi hỏi cùng một trình độ đào tạo và điều đó khuyến khích các giáo viên có năng lực ở lại với nghề.

Mặc dù tài chính (lương) có thể không phải là yếu tố quan trọng nhất để một người lựa chọn để trở thành giáo viên, nhưng nó là một yếu tố quan trọng của sự hấp dẫn nghề ngày càng tăng ở hầu hết các quốc gia. Nhóm nghiên cứu của Đại học Cambridge đã cho rằng việc trả lương cao đã trở thành lý do phổ biến nhất để coi giảng dạy là một nghề hấp dẫn vào năm 2006 so với khoảng thời gian trước đó [7]. Từ việc phân tích dữ liệu của 39 quốc gia OECD, các nhà nghiên cứu đã nhận thấy việc giáo viên được trả lương cao hơn và tăng lương nhanh hơn cho phép tuyển dụng những ứng viên có năng lực tốt hơn. Nghiên cứu so sánh về nghề dạy học và các ngành nghề trong khu vực công và tư cũng cho thấy rằng các giáo viên có trình độ cao hơn mà lương ít hơn sẽ có xu hướng rời bỏ nghề nghiệp của họ [5]. Tăng lương về mặt kỹ thuật rất dễ dàng nhưng các biện pháp thắt chặt chi tiêu ngân sách của Chính phủ một số nước khó có thể thực hiện được. Do đó, nhiều Chính phủ đã quyết định giảm số lượng giáo viên để đổi lại họ được trả lương cao hơn. Một số biện pháp khác được thực hiện đó là trao học bổng cho các sinh viên sư phạm hoặc trả lương trước cho sinh viên sư phạm sau khi họ ký vào bản cam kết sẽ gắn bó với nghề dạy học một khoảng thời gian nhất định sau khi tốt nghiệp.

Điều kiện làm việc của giáo viên không giống nhau giữa các quốc gia châu Âu, thậm chí giữa các trường học và khu vực trong cùng một quốc gia. Điều kiện làm việc của giáo viên có liên quan đến quy mô lớp học, trang thiết bị dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, chất lượng phục vụ ăn uống trong trường học, khả năng tìm được nhà ở phù hợp với lương của giáo viên,... Điều kiện làm việc của giáo viên có ảnh hưởng lớn đến uy tín và địa vị xã hội của nghề dạy học. Một nghiên cứu ở các nước châu Âu cho thấy mức lương (có hưởng phụ cấp ưu đãi) và điều kiện làm việc tốt có thể là hai yếu tố chính ảnh hưởng đến động lực làm việc của giáo viên và sự hấp dẫn của nghề giảng dạy [7], [17]. Điều kiện và tiêu chí tuyển dụng giáo viên cần chú ý đến những giáo viên có năng lực dạy học và kỹ năng xã hội để thiết lập mối quan hệ tích cực với học sinh cũng như tạo động lực học tập cho học sinh. Đây là tiêu chí đảm bảo rằng giáo viên yêu thích công việc của họ và gắn bó với nghề nghiệp. Hơn nữa, giáo viên vui vẻ và hiệu quả đóng góp vào một hình ảnh tích cực về nghề nghiệp của họ trong xã hội, do đó nâng cao được vị thế, uy tín của nghề dạy học. Các điều kiện và tiêu chí tuyển dụng cần tạo điều kiện thuận lợi cho việc lựa chọn được những ứng viên có khả năng đáp ứng tốt nhất đối với nghề nghiệp. Ở một số quốc gia, giáo viên phải đối mặt với những khó khăn ở các giai đoạn khác nhau của nghề nghiệp. Nhiều giáo viên đang bị kiệt sức và mất tinh thần tương đối sớm trong nghề nghiệp, chủ yếu ở những nơi đặc biệt khó khăn và học sinh ít có động lực học tập [18]. Do đó, những giáo viên này cần sự trợ giúp về mặt tâm lý và chuyên môn, và một số người trong số họ phải được đào tạo lại về chuyên môn cho các nhiệm vụ khác ở trường học. Một số nghiên cứu tập trung vào các hành vi rối loạn chức

năng của giáo viên, trong khi những người khác phân tích các chiến lược thành công để giúp giáo viên vượt qua khó khăn và căng thẳng hoặc những tác động tích cực trong môi trường làm việc [19]. Khối lượng công việc ngày càng tăng đối với giáo viên, tăng quy mô lớp học trên mỗi giáo viên và ngày càng nhiều học sinh có hành vi không mong đợi là nguyên nhân dẫn đến gia tăng các bệnh liên quan đến căng thẳng ở người giáo viên.

Nhiệm vụ và vai trò quan trọng của giáo viên là những yếu tố góp phần vào sự hấp dẫn của nghề dạy học và do đó trở thành nghề nghiệp có hình ảnh tốt trong xã hội. Ví dụ ở Phần Lan, quốc gia có hình ảnh tốt đẹp của nghề dạy học dựa trên thành tích học tập tốt của học sinh thông qua các cuộc thi như IEA và PISA. Các nghiên cứu gần đây cho thấy rằng các kỳ vọng và yêu cầu đặt ra đối với trường học ngày càng gia tăng, với việc các bậc phụ huynh ngày càng cư xử như “những người tiêu dùng giáo dục”. Xu hướng này đã gây áp lực nhiều hơn và làm cho nghề dạy học trở nên khó khăn hơn khi giáo viên thường xuyên bị chỉ trích về việc thực hành giảng dạy của họ [7], [13]. Ngoài ra, sự gia tăng của phương tiện kỹ thuật số, trò chơi giáo dục và mạng xã hội đặt ra những thách thức mới cho giáo viên và buộc họ làm quen với các công cụ giáo dục mới và để sử dụng chúng theo cách phù hợp. Ở Việt Nam, kết quả phỏng vấn sâu cho thấy nhiều giáo viên hiện nay không muốn làm nghề dạy học và họ cảm thấy hối hận vì chọn nghề dạy học. Nguyên nhân của thực trạng này là do giáo viên không vượt qua được những cú sốc thực tế của giáo dục phổ thông và phải chịu quá nhiều áp lực nghề nghiệp. Sự quá tải trong lao động nghề nghiệp và cách quản lý nhà trường tạo ra nhiều sức ép, cộng với bệnh thành tích như một “trường đua” khiến nhiều giáo viên vô cùng mệt mỏi. Không ít thầy cô đã “bỏ thuyền, bỏ lái, bỏ dòng sông” để chuyển sang lĩnh vực khác bởi niềm vui nghề giáo không kéo lại được nỗi lo cơm áo và áp lực nghề nghiệp. Ngoài ra, giáo viên phải chịu áp lực từ phía phụ huynh, gia đình và xã hội trong giáo dục học sinh. Họ được phụ huynh ủy thác và chịu trách nhiệm chính trong việc dạy dỗ với quan điểm “trăm sự nhờ thầy cô”, nhưng nếu có bất cứ vấn đề gì xảy ra với con em họ (bị đánh, phạt), giáo viên sẽ bị chỉ trích, lên án, thậm chí bị “ném đá” dữ dội từ gia đình, xã hội và truyền thông. Không ít giáo viên đã bị kỷ luật hoặc cho thôi việc. Ngoài áp lực về giáo dục học sinh, giáo viên còn phải chịu áp lực từ các công việc hành chính khác với nhiều loại báo cáo, giấy tờ, sổ sách,... phải hoàn thiện mặc dù Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có chủ trương và chỉ đạo giảm các loại hồ sơ, sổ sách đối với giáo viên. Đặc biệt, bệnh thành tích cũng là nỗi sợ và ám ảnh đối với đa số giáo viên, điều này dẫn đến giáo viên phải chịu áp lực lớn trước nhà quản lý giáo dục và dư luận xã hội.

Ngày nay, giáo viên có vai trò quan trọng trong “phát triển quan hệ con người”. Giáo viên đôi khi phải giải quyết xung đột giữa các thành viên của cộng đồng và môi trường giáo dục trong trường học. Giáo viên phải đối mặt với các nhóm ngày càng không đồng nhất hoặc đa văn hóa mà sự khác biệt có xu hướng làm trầm trọng thêm các xung đột trong các mối quan hệ ở trường học. Có người còn cho rằng “Dạy học cũng là giải quyết xung đột, hợp tác với gia đình và quản lý các nhóm phức tạp. Giáo viên cần thực hiện các biện pháp để phổ biến kiến thức và qua đó giải quyết các xung đột đó”. Do đó, giáo viên phải có khả năng cộng tác không chỉ với đồng nghiệp mà còn với các chuyên gia giáo dục và các bên có liên quan khác (công ty, doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội,...) [20]. Nói cách khác, giáo viên có vai trò xã hội rất quan trọng và cần có các kỹ năng xã hội để thực hiện vai trò này. Giáo viên cũng phải đối phó với các vấn đề trên mạng xã hội như Facebook, Twitter hay TikTok, để có thể giúp họ giữ liên lạc với học sinh của mình. Hơn nữa, giáo viên tương lai còn có vai trò của một nhà nghiên cứu hành động và đổi mới thông qua các dự án trong trường học. Đặc biệt, sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông trong giáo dục đã khuyến khích giáo viên phải đổi mới và đón đầu xu hướng công nghệ nếu họ không muốn trở thành nạn nhân của sự thay đổi này. Do đó, năng lực kỹ thuật số của giáo viên cần được phát triển để giúp họ thể hiện được vai trò của người giáo viên thế kỷ 21, nơi cho phép các trường học có quyền tự chủ hơn trong đổi mới chương trình giáo dục. Mặt khác, giáo dục trong trường học là một phương tiện quan trọng để truyền lại các giá trị của con người. Vì thế, trách nhiệm quan trọng nhất của giáo viên đó là truyền đạt các giá trị của dân chủ, quyền công dân và tôn trọng người khác trong sự giao thoa

giữa các nền văn hóa. Giáo viên ngày càng được giao những nhiệm vụ và trách nhiệm nặng nề hơn. Hơn nữa, kỹ năng giáo dục cũng là kỹ năng đặc thù của nghề dạy học. Kỹ năng này trước hết được thể hiện qua việc làm gương của người giáo viên [13]. Người giáo viên chuyên nghiệp luôn là tấm gương về tự học, về ứng xử trong các mối quan hệ với học sinh, đồng nghiệp và xã hội. Kỹ năng giáo dục được thể hiện trong từng bài dạy khi người giáo viên biết giúp học sinh áp dụng kiến thức vào đời sống, trong giao tiếp, ứng xử trong các tình huống khác nhau.

Tuy nhiên, ở một số nước trên thế giới, nghề dạy học bị thiếu hấp dẫn bởi một số nguyên nhân như Chính phủ của nhiều quốc gia đã thất bại trong việc xây dựng các chính sách đào tạo giáo viên và chính sách giáo dục phù hợp, từ đó dẫn đến tình trạng kém thu hút được nguồn nhân lực tốt vào ngành sư phạm. Ngoài ra, nhận thức của giáo viên về địa vị xã hội và tính chuyên nghiệp của nghề nghiệp chưa cao trong bối cảnh kinh tế còn khó khăn. Nhiều giáo viên đặt tiền lương và lợi ích cá nhân lớn hơn khả năng cống hiến trong nghề nghiệp. Nhận thức cộng đồng và xã hội chưa phù hợp khi cho rằng đội ngũ giáo viên đã không mang lại được kết quả giáo dục tốt, từ đó dẫn đến những chỉ trích của công chúng, làm ảnh hưởng đến vị thế của nghề dạy học. Đặc biệt, trong bối cảnh kinh tế khó khăn, tỷ lệ thất nghiệp tăng, việc cắt giảm chi phí dành cho giáo dục của các Chính phủ trong khi điều kiện dạy học và tiền lương của giáo viên giảm, được coi là những trở ngại lớn để phát triển hệ thống giáo dục. Tình trạng này dẫn đến nhận thức chung của cộng đồng về chất lượng và giá trị của giáo dục công bị giảm sút [21].

Kết quả phỏng vấn các chuyên gia cho thấy nghề dạy học trở thành lựa chọn của học sinh phổ thông ở nước ta do một số nguyên nhân sau: có công việc ổn định; có thời gian cho gia đình; thích dạy học (yêu nghề dạy học); thích làm việc với trẻ em/học sinh; có liên quan đến đặc điểm và tính chất của công việc như: làm việc trong môi trường văn hóa, gần với người trẻ, lịch làm việc tương đối ổn định; có thể tạo ra được những giá trị lâu dài cho xã hội (ảnh hưởng đối với xã hội hoặc cống hiến cho xã hội); được miễn tiền học phí ngành sư phạm hoặc các chế độ ưu đãi của Nhà nước; thần tượng người giáo viên đã từng giảng dạy mình; do định hướng của gia đình. Ngoài ra, hầu hết sinh viên sư phạm có xu hướng theo học tại các trường đại học và làm việc trong cùng một thành phố hoặc khu vực họ sinh sống, điều này có thể hạn chế quan điểm của họ. Thời gian gần đây, nghề dạy học đang trở nên hấp dẫn hơn đối với học sinh phổ thông do sinh viên sư phạm được hưởng chính sách theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm. Theo đánh giá của các chuyên gia, chính sách này đã góp phần gia tăng số lượng học sinh phổ thông đăng ký dự thi vào các ngành đào tạo giáo viên trong một vài năm gần đây.

Như vậy, để thu hút những ứng viên tốt nhất vào nghề dạy học, các nhà quản lý giáo dục cần quan tâm đến một số vấn đề sau: Thứ nhất, nhân cách của các chuyên gia giáo dục là cốt lõi của nghề dạy học, giáo viên nên được lựa chọn, giáo dục và đánh giá cho phù hợp, giáo viên được lựa chọn phải là người ưu tú nhất, có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến xã hội, do đó người giáo viên giáo dục học sinh bằng chính nhân cách và đạo đức của mình. Thứ hai, giáo viên phải là người chịu trách nhiệm chính trong việc thu hút những con người tốt nhất đến với nghề dạy học bằng chính niềm đam mê và cảm hứng với nghề dạy học của mình. Điều đó có nghĩa là người giáo viên bằng chính nhân cách và tấm gương của mình để truyền cảm hứng, khơi gợi niềm đam mê với nghề dạy học cho các thế hệ tương lai. Thứ ba, sự tự điều chỉnh của nghề dạy học là phụ thuộc vào nghĩa vụ của các quốc gia về việc tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền được học tập của con người. Tiêu chuẩn nghề nghiệp có thể là một công cụ để kiểm soát công việc của giáo viên hơn là để nâng cao vị thế của họ trong xã hội. Do đó, tự điều chỉnh nghề nghiệp là một giá trị gia tăng cho nghề dạy học. Các trường học, giáo viên cần chú trọng phát huy nội lực, tìm niềm vui, hạnh phúc trong sáng tạo nghề nghiệp. Điều quan trọng nữa là giáo dục cần sự quan tâm của cả xã hội, cần tôn vinh, có chính sách đãi ngộ và giáo viên phải được trả lương cao nhất trong bộ máy hành chính sự nghiệp để đảm bảo sự ổn định, yên tâm công tác trong nghề của giáo viên. Từ đó, dạy học mới trở thành một nghề được tạo nên bởi các chuyên gia về kiến thức chuyên môn, đồng thời là chuyên gia về khoa học sư phạm và giỏi về nghệ thuật giảng dạy. Cuối cùng, nghề dạy học

phải được sự chia sẻ trong công tác giáo dục học sinh của toàn xã hội, trong đó tập trung vào mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục học sinh. Công tác truyền thông về nghề cũng phải được quan tâm đến lan tỏa tình yêu, lý tưởng và sự cống hiến với nghề cho đội ngũ giáo viên cả nước.

4. Kết luận

Nghề dạy học được cả thế giới công nhận như một trong những nghề nghiệp quan trọng nhất trong xã hội hiện đại, là nghề phổ biến nhất, cơ bản, có đạo đức và mang tính cá nhân. Tuy nhiên, địa vị xã hội của giáo viên ở hầu hết các nước trên thế giới chưa thực sự thỏa đáng. Sự suy giảm và thiếu sự công nhận của xã hội đối với nghề dạy học làm cho nó ngày càng trở nên kém hấp dẫn với thế hệ trẻ. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có rất ít giáo viên tự vấn giới thiệu nghề dạy học cho con cái hoặc những học sinh xuất sắc của họ. Một số giáo viên thậm chí còn cảm thấy xấu hổ khi thừa nhận mình làm nghề dạy học. Tương tự ở Việt Nam, kết quả khảo sát cũng cho thấy địa vị xã hội có ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề dạy học vì giáo viên là người trực tiếp tiếp xúc nhiều với học sinh. Do đó, địa vị xã hội của nhà giáo là điều học sinh có thể nhận thức rất rõ trước khi đưa ra lựa chọn nghề nghiệp. Việc địa vị xã hội của giáo viên giảm sút dẫn đến làm giảm động cơ lựa chọn nghề dạy học của học sinh. Có ý kiến cho rằng nghề dạy học luôn được coi là nghề cao quý, được xã hội tôn vinh. Vì vậy, địa vị xã hội chắc chắn là một yếu tố ảnh hưởng quan trọng đến việc lựa chọn nghề dạy học của học sinh phổ thông và là sự hấp dẫn đối với nghề dạy học không những ở Việt Nam mà ở nhiều nước trên thế giới. Kết quả nghiên cứu của bài viết cũng cho thấy các cơ quan quản lý giáo dục cần đưa ra các giải pháp để tăng sự hấp dẫn nghề dạy học bằng việc nâng cao địa vị xã hội, hình ảnh người giáo viên trong xã hội và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, tôn vinh đối với người giáo viên và nghề dạy học. Điều này sẽ góp phần thu hút được những người giỏi, có tâm huyết, lý tưởng với nghề tiếp tục theo đuổi, cống hiến với nghề dạy học, lan tỏa hình ảnh và tình yêu với nghề dạy học đến các thế hệ tương lai của đất nước.

Lời cảm ơn

Công trình nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Bộ “Nghiên cứu sự phù hợp nghề dạy học của sinh viên các trường đại học sư phạm ở Việt Nam”, mã số B2021-TNA-09.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] P. Hoang, *Vietnamese dictionary*. Hong Duc Publishing House, 2003.
- [2] D. N. Nguyen and T. H. Nguyen, “The suitability of teaching profession of pedagogical students,” *Journal of Education*, vol. 505, no. 1, pp. 1-7, 2021.
- [3] A. R. Monteiro, *The teaching profession: Present and future*. Springer, 2015.
- [4] A. Balyer and K. Özcan, “Choosing teaching profession as a career: Students’ reasons,” *International Education Studies*, vol. 7, no. 5, pp. 104-115, 2014, doi: 10.5539/ies.v7n5p104.
- [5] OECD, *Teachers matter - Attracting, developing and retaining effective teachers*. OECD Publishing, 2005.
- [6] B. Šramová, “The value of education for students that are preparing for the teaching profession,” *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, vol. 139, pp. 464-471, 2014, doi: 10.1016/j.sbspro.2014.08.043.
- [7] European Commission, *Study on policy measures to improve the attractiveness of the teaching profession in Europe*, vol. 2. Luxembourg: Publications Office of the European Union, 2013.
- [8] B. H. Kniveton, “The influences and motivations on which students base their choice of career,” *Research in Education*, vol. 72, no. 72, pp. 47-57, 2004, doi: 10.7227/RIE.72.4.
- [9] Asia Society, “The 2013 international summit on the teaching profession - Teacher quality,” 2013. [Online]. Available: <http://asiasociety.org/files/teachingsummit2013.pdf>. [Accessed June 10, 2023].
- [10] C. Basten, “A feminised profession: Women in the teaching profession,” *Educational Studies*, vol. 23, no. 1, pp. 55-62, 1997, doi: 10.1080/0305569970230104.
- [11] C. Papanastasiou and E. Papanastasiou, “Factors that influence students to become teachers,” *Education Research and Evaluation*, vol. 3, no. 4, pp. 305-316, 1997, doi: 10.1080/1380361970030402.

-
- [12] E. O. Akar, "Motivations of Turkish pre-service teachers to choose teaching as a career," *Australian Journal of Teacher Education*, vol. 37, no. 10, pp. 67-84, 2012, doi: 10.14221/ajte.2012v37n10.7.
- [13] ILO, "Handbook of good human resource practices in the teaching profession," Geneva: Sectoral Activities Department, International Labour Organization, 2012. [Online]. Available: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed_dialogue/-sector/documents/publication/wcms_187793.pdf. [Accessed June 10, 2023].
- [14] K. Yuce, E. Sahin, O. Kocer, and F. Kana, "Motivations for choosing teaching as a career: A perspective of pre-service teachers from a Turkish context," *Asia Pacific Education Review*, vol. 14, pp. 295-306, 2013, doi: 10.1007/s12564-013-9258-9.
- [15] G. E. Hutchinson and B. Johnson, "Teaching as a career: Examining high school students' perspectives," *Action in Teacher Education*, vol. 15, no. 4, pp. 61-67, 1994, doi: 10.1080/01626620.1994.10463179.
- [16] T. Bastick, "Why teacher trainees choose the teaching profession? Comparing trainees in metropolitan and developing countries," *International Review of Education*, vol. 46, no. 3-4, pp. 343-349, 2000, doi: 10.1023/A:1004090415953.
- [17] N. Oruc, "The perception of teaching as a profession by Turkish trainee teachers: Attitudes towards being a teacher," *International Journal of Humanities and Social Science*, vol. 1, no. 4, pp. 83-87, 2011.
- [18] M. M. Brown, "Caribbean first-year teachers' reasons for choosing teaching as a career," *Journal of Education for Teaching*, vol. 18, no. 2, pp. 185-195, 1992, doi: 10.1080/0260747920180207.
- [19] D. N. Nguyen, T. H. Nguyen, and T. H. V. Dinh, "A pilot assessment of teaching profession appropriateness for teacher students," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 226, no. 8, pp. 357-364, 2021, doi: 10.34238/tnu-jst.4600.
- [20] K. Lai, K. Chan, K. Ko, and K. So, "Teaching as a career: A perspective from Hong Kong senior secondary students," *Journal Education for Teaching*, vol. 31, no. 3, pp. 153-168, 2005, doi: 10.1080/02607470500168974.
- [21] N. Burbules and K. Densmore, "The limits of making teaching a profession," *Educational Policy*, vol. 5, no. 1, pp. 44-63, 1991.